

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG

**CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO
BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999**

(TRÊN CƠ SỞ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA NGÀNH TÒA ÁN HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2007 - 2012)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRỊNH QUỐC TOẢN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

**Có thể tìm hiểu luận văn tại
Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt.....	7
1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt	14
1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN TRƯỚC KHI BAN HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT.....	16
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	16
1.2.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	23
1.3. QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC ..	34

1.3.1. Bộ luật hình sự của Trung Quốc	34
1.3.2. Bộ luật hình sự của Liên bang Nga	39
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	46
2.1. CÁC DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG CHUNG CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT....	46
2.1.1. Khách thể của tội phạm	47
2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm	50
2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm	54
2.1.4. Chủ thể của tội phạm	56
2.2. PHÂN BIỆT CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999	56
2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	60
2.4. NHỮNG TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ	64
2.4.1. Những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	64

2.4.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt	82
---	----

Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT ...	90
3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT	90
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT	93
3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	96
3.3.1. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ	96
3.3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	98
KẾT LUẬN	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển loài người, vấn đề lợi ích vật chất luôn là căn nguyên của mọi xung đột trong xã hội. Bởi vậy, việc đảm bảo quyền sở hữu các lợi ích vật chất luôn được các nhà nước trên thế giới quan tâm, bảo hộ. Ở nước ta, quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản, bất khả xâm phạm của công dân, được ghi nhận tại Điều 32 Hiến pháp năm 2013 – Đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Quyền đó còn được ghi nhận cụ thể hơn trong các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật trên mọi lĩnh vực như: hình sự, dân sự, kinh tế ...

Trong pháp luật dân sự, tài sản và quyền sở hữu tài sản là một trong số những vấn đề quan trọng, được quy định cụ thể tại Phần thứ hai “Tài sản và quyền sở hữu” với 7 Chương và 118 điều của Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong pháp luật hình sự, quyền sở hữu được bảo hộ thông qua 13 điều luật (từ Điều 133 đến Điều 145) thuộc Chương XIV “Các tội phạm xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự, là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân. Cùng với tiến trình xây dựng đất nước và trưởng thành, pháp luật hình sự về vấn đề sở hữu từng bước được thiết lập và ngày càng hoàn thiện, đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng của nó. Tuy nhiên, sự phát triển của nó không thể tách rời với sự phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa và chịu sự chi phối bởi đặc điểm lịch sử của đất nước và thế giới. Bởi vì pháp luật của mỗi nước phản ánh sự phát triển của đất nước đó.

Trong bối cảnh hiện tại, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế bước đầu có những chuyển biến và đạt được những thành tựu về kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được nâng cao. Bên cạnh đó, mặt trái của nền kinh thị trường mang lại, đó là tình hình tội phạm diễn biến ngày càng

phức tạp, nhiều loại tội phạm mới xuất hiện như tội phạm công nghệ cao, một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng như tội phạm về ma túy; tội phạm về môi trường, tội phạm xâm phạm sở hữu... gây thiệt hại lớn về người, tài sản cho Nhà nước, tổ chức và công dân.

Thực tiễn xét xử trong những năm qua cho thấy, các tội phạm xâm phạm sở hữu luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số các vụ án hình sự. Đối với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt thường xảy ra ít hơn so với các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, nhưng đang ngày càng xảy ra phổ biến hơn, tính chất và thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Song trên thực tế, do từ trước đến nay, loại tội phạm này ít xảy ra, thậm chí có tội chưa xảy ra nên chưa có sự tổng kết kinh nghiệm xét xử và văn bản hướng dẫn hầu như rất ít nên các cơ quan tiến hành tố tụng tỏ ra lúng túng, khó khăn khi giải quyết vụ án, không đánh giá đúng bản chất hành vi phạm tội dẫn đến việc xác định sai tội danh hoặc xử oan, bỏ lọt tội phạm. Để khắc phục tình trạng trên thì vấn cốt lõi được đặt ra là phải nắm vững các quy định của pháp luật về tội phạm, nhận thức đúng bản chất của hành vi phạm tội, từ đó đưa ra đường lối xử lý đúng đắn, bảo đảm sự khách quan, công bằng và nghiêm minh của pháp luật.

Nhận thức được điều đó, tôi chọn đề tài: *“Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 (trên cơ sở số liệu xét xử ngành Tòa án Hà Nội giai đoạn 2007 - 2012)”*.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nghiên cứu các tội xâm phạm sở hữu nói chung có ý nghĩa to lớn không những về mặt khoa học mà còn cả về hình thức nên đã có nhiều công trình nghiên cứu xung quanh về vấn đề này như: *“Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh”*, - PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn; *“Vấn đề định tội danh trong các tội xâm phạm*

sở hữu” - TS. Nguyễn Ngọc Chí; “*Nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm sở hữu*” – Đại tá, PGS, TS. Trần Vi Dân; “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*” - TS. Nguyễn Ngọc Chí; “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân*”- Tác giả Vũ Thiện Kim; “*Xung đột quan điểm trong việc xác định tội danh*” - TS. Phạm Văn Beo; “*Định tội danh đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2010*” - ThS. Trần Thị Phương; Tạp chí Tòa án số 01- 2009; Tạp chí khoa học pháp luật số 2/2001....

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với các tội xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt nói riêng, đồng thời phân tích thực trạng việc xét xử đối với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó chỉ ra các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt theo Luật hình sự Việt Nam Như: Khái niệm, đặc điểm của các tội phạm xâm phạm sở hữu; Đặc điểm các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt; Cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt.

- Phân tích, đánh giá sâu sắc thực trạng xét xử các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Chỉ ra được những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, cũng như các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, vấn đề cải cách tư pháp; Phương pháp thống kê; phương pháp phân tích và tổng hợp các số liệu dựa trên bản án, quyết định và số liệu thống kê hàng năm của các cấp Tòa án; phương pháp so sánh, đối chiếu các quy định của pháp luật nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

5. Những điểm mới của luận văn và đóng góp của luận văn

Những điểm mới của luận văn là:

- Nghiên cứu nhằm làm rõ khía cạnh pháp lý về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt, góp phần hoàn thiện lý thuyết định tội danh trong khoa học pháp lý hình sự.

- Nghiên cứu, đánh giá làm sáng tỏ thực tiễn xét xử các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt của Tòa án cá cấp trong ngành Tòa án Hà Nội, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật thực định liên quan đến các tội xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt nói riêng.

- Luận văn sẽ là một trong những tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà lập pháp cũng như các nhà nghiên cứu luật học và đặc biệt là

các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong việc định tội danh làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề chung về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt trong Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện các quy định các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ

CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

Hiện có rất nhiều quan điểm xung quanh khái niệm các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt như quan điểm của PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền, Thạc sỹ Đinh Văn Quế, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa... Nhưng đối

với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt thì chưa có bất kỳ khái niệm nào.

Theo quan điểm của tác giả, khái niệm tội phạm nói chung hay khái niệm về các tội xâm phạm sở hữu nói riêng phải có tính tổng quát, phản ánh được bản chất pháp lý và bản chất xã hội của tội phạm, từ đó phân biệt các tội này với tội phạm khác.

Theo đó, các tội xâm phạm sở hữu là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và của công dân.

Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt: là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản nhưng không nhằm chiếm đoạt tài sản mà chỉ gây thiệt hại về tài sản bằng hành vi hủy hoại, làm hư hỏng, sử dụng, chiếm giữ trái phép hoặc thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

** Đặc điểm đặc trưng riêng của nhóm tội này bao gồm*

Một là, khách thể của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt là quan hệ sở hữu tài sản.

Hai là, đối tượng tác động của các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt nói riêng là tài sản.

Ba là, về hành vi khách quan, các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt được thực hiện thông qua các hành vi chiếm giữ, sử dụng, hủy hoại hoặc làm hư hỏng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản nhưng những hành vi này không có dấu hiệu chiếm đoạt và cũng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Bốn là, hậu quả của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt phần lớn gây ra là thiệt hại về tài sản.

Năm là, chủ thể của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt là chủ thể thường và chủ thể đặc biệt.

Sáu là, cấu thành tội phạm của các tội này là cấu thành vật chất nên ngoài dấu hiệu hành vi thì dấu hiệu hậu quả cũng như mối quan hệ nhân quả là những dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội này.

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

Thứ nhất, là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước, của cơ quan, của tổ chức và công dân khỏi sự xâm hại của tội phạm.

Thứ hai, là căn cứ để phân biệt tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt với hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quyền tài sản.

Thứ ba, là một trong căn cứ quan trọng để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người thực hiện tội phạm trong từng trường hợp cụ thể.

Thứ tư, góp phần tăng cường hiệu quả của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực này, từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

Thứ năm, có ý nghĩa trong việc giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật về quyền sở hữu tài sản nhằm nâng cao ý thức pháp luật và ý thức chống và phòng ngừa tội phạm nói trên.

1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN TRƯỚC KHI BAN HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Đối với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt, bước đầu được quy định trong Sắc lệnh số 267 ngày 15-6-1958 và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân quy định về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt như *Tội cố ý huỷ hoại hoặc làm hư hỏng tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa; Tội chiếm giữ trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa* và *tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản riêng của công dân*

1.2.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Các tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt cũng được Bộ luật hình sự năm 1985 quy định trong hai chương, chương “Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa” với 5 Điều (từ Điều 136 đến Điều 140) và chương “Các tội xâm phạm sở hữu của công dân” với 4 Điều (từ Điều 159 đến Điều 161) gồm các tội sau: Tội chiếm giữ trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 136), Tội sử dụng trái phép tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 137), Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 137), Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 139), Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 140), Tội chiếm giữ trái phép tài sản của công dân (Điều 159), Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân (Điều 160), Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của công dân (Điều 161).

1.3. QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC

1.3.1. Bộ luật hình sự của Trung Quốc

Các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại Chương V “Tội xâm

phạm tài sản” Bộ luật hình sự năm 1997 của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với 14 điều luật, từ Điều 263 đến Điều 276, trong đó các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt được quy định trong Bộ luật hình sự Trung Hoa gồm:

- Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 270).
- Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 272).
- Tội cố ý hủy hoại tài sản (Điều 275 và Điều 276).

1.3.2. Bộ luật hình sự của Liên bang Nga

Trong đó các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1996 của Liên bang Nga gồm: Tội gây thiệt hại về tài sản bằng thủ đoạn gian dối hoặc bằng lòng tin (Điều 165), Tội chiếm giữ trái pháp luật ô tô hoặc các phương tiện giao thông vận tải khác không nhằm mục đích chiếm đoạt (Điều 166), Tội cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng tài sản của người khác (Điều 167), Tội vô ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng tài sản của người khác (Điều 168).

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. CÁC DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG CHUNG CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

2.1.1. Khách thể của tội phạm

- Khách thể của các tội xâm phạm sở hữu nói chung và của các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt nói riêng là quan hệ sở hữu.
- Đối tượng tác động của tội phạm là tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản (Điều 163 Bộ luật dân sự quy định).

2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

* *Về hành vi khách quan:* Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, hành vi sử dụng trái phép tài sản, hành vi huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản và hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

* *Về hậu quả của tội phạm:* Hậu quả do các hành vi nêu trên gây ra là thiệt hại cho quan hệ sở hữu, thể hiện dưới dạng thiệt hại về tài sản và làm mất an ninh chính trị, an toàn xã hội. Giữa hành vi khách quan của tội phạm và thiệt hại về tài sản phải có mối quan hệ nhân quả với nhau.

2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm

* *Lỗi:* Người thực hiện các tội phạm này với lỗi cố ý hoặc vô ý.

* *Động cơ và mục đích phạm tội:* là có mục đích tư lợi hoặc không có mục đích tư lợi.

2.1.4. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể thực hiện tội phạm này vừa là chủ thể thường, vừa là chủ thể đặc biệt.

2.2. PHÂN BIỆT CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt và các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt đều có cùng đối tượng tác động, có cùng khách thể loại là quan hệ sở hữu nên được xếp trong cùng một chương “Các tội xâm phạm sở hữu”; chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đối với hai nhóm tội này chủ yếu là chủ thể thường.

Tuy nhiên giữa các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt và các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt có những điểm khác biệt sau:

Thứ nhất, về khách thể: hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu và dấu hiệu hậu quả cũng như mối quan hệ nhân quả luôn là dấu hiệu bắt buộc trong

cấu thành các tội này. Trong khi đó, các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt ngoài việc xâm phạm quan hệ sở hữu, chúng còn xâm phạm quan hệ nhân thân và có cấu thành hình thức, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm là tội phạm đã hoàn thành, không cần biết người phạm tội đã gây ra hậu quả hay chưa.

Thứ hai, về hành vi khách quan thuộc mặt khách quan của tội phạm, đây là điểm khác nhau căn bản giữa hai nhóm tội này. Hành vi khách quan của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt dù được thực hiện bằng những cách thức, thủ đoạn và điều kiện khi thực hiện hành vi là khác nhau nhưng chúng đều có tính chất chiếm đoạt.

Hành vi khách quan của các tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt chỉ nhằm gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu và các hành vi này không ẩn chứa dấu hiệu chiếm đoạt tài sản.

Thứ ba, về dấu hiệu lỗi thuộc mặt chủ quan của tội phạm: Khác với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt là tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, còn các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt thì tội phạm được thực hiện với cả lỗi cố ý và vô ý.

Thứ tư, về chủ thể của tội phạm: Chủ thể thực hiện tội phạm đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt là chủ thể thường. Còn chủ thể thực hiện tội phạm đối với các tội xâm phạm sở hữu không có tính chất chiếm đoạt vừa là chủ thể thường, vừa là chủ thể đặc biệt.

2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tình hình tội phạm nói chung thì tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu cũng có diễn biến khá phức tạp, tốc độ tăng, giảm không ổn định. Đặc biệt số lượng vụ án về nhóm tội phạm này diễn ra luôn nằm trong bốn nhóm tội chiếm tỷ lệ lớn trong các vụ án được thụ lý giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bảng 2.2. Số liệu xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu của ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2007 – 2012

Năm	Xét xử	
	Vụ	Bị cáo
2007	1.948	3.332
2008	2.697	3.963
2009	2.068	3.237
2010	2.250	3.590
2011	2.302	3.565
2012	2.541	4.013
Tổng	13.806	21.700

(Nguồn văn phòng tổng hợp -TAND Thành phố Hà Nội)

Đối với các tội phạm xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt trong giai đoạn 2007 – 2012 cũng có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt là các vụ án về tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản luôn chiếm dẫn đầu trong nhóm tội phạm này.

Bảng 2.3. Số liệu xét xử các vụ án xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt của ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2007 – 2013

Năm	Xét xử	
	Vụ	Bị cáo
2007	146	172
2008	167	180
2009	198	219
2010	174	187
2011	199	217
2012	260	295
Tổng	1.144	1.270

(Nguồn văn phòng tổng hợp -TAND Thành phố Hà Nội)

Từ số liệu trên có thể thấy, số lượng án năm 2008 tăng 14,38% so với năm 2007. Năm 2009 tiếp tục tăng 18,56% so với cùng kỳ năm 2008. Đến năm 2010, số lượng án giảm nhưng không đáng kể. Tuy nhiên đến năm 2011, số lượng án tăng 14,37% so với năm 2010 và còn tiếp tục tăng mạnh vào năm 2012 với 30,65% so với năm 2011. Tổng số vụ án về loại tội này được đưa ra xét xử trong 6 năm (2008 – 2012) chiếm 8,29% trong tổng số các vụ án về các tội phạm xâm phạm sở hữu được đưa ra xét xử giai đoạn 2008 - 2009.

2.4. NHỮNG TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

2.4.1. Những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thứ nhất, bản án xác định sai tội danh dẫn đến xét xử và quyết định hình phạt không đúng

Bản án số 138/2007/HSST ngày 06/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử bị cáo Hoàng Văn Đông, năm 1983 và Lưu Văn Thắng, sinh 1985 và tuyên phạt bị cáo Đông 12 tháng tù và bị cáo Thắng 9 tháng tù, cho hai bị cáo hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” là sai tội danh mà phải xét xử các bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” mới đúng tội danh.

Vụ án thứ hai: Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2012/HSST ngày 14/10/2012 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử bị cáo Nguyễn Văn Nam, năm 1983 và tuyên phạt bị cáo 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, trong khi chưa làm rõ hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay chưa là xét xử sai tội danh.

Thứ hai, bản án áp dụng không đúng quy định pháp luật:

Bản án số 95/2012/HSST ngày 17/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, xét xử bị cáo Phùng Mạnh Tuấn, sinh 1984 và tuyên phạt bị cáo Tuấn 5 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” trái quy định tại khoản 1 Điều 31 Bộ luật hình sự.

Thứ ba, quyết định hình phạt chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Đây là trường hợp bản án của Tòa án quyết định hình phạt nhẹ hoặc nặng hơn, không tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Nó được biểu hiện ở hai khía cạnh sau:

*** Bản án xét xử và quyết định hình phạt chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:**

Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2012/HSST ngày 24/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử các bị cáo Đoàn Mạnh Ứng, năm 1989 và đồng phạm; Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Tòa án áp dụng điểm a khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự xử phạt Đoàn Mạnh Ứng 18 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng; xử phạt các bị cáo khác xử phạt mức từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (Xử dưới khung hình phạt).

*** Bản án xét xử và quyết định hình phạt quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:**

Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2011/HSST ngày 28/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Lượng, sinh 1980; Bị cáo có một tiền sự về hành vi hủy hoại về tài sản năm 2002; Bị cáo bị truy tố về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143. Tòa án tuyên phạt bị cáo 15 tháng tù, trong khi bị cáo có 4 tính tiết giảm nhẹ là quá nặng, quá nghiêm khắc, so với tích chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Thứ tư, bản án của Tòa án không thống nhất về đường lối xét xử:

**** Không thống nhất giữa các Tòa án cấp huyện:***

- Không thống nhất về mức hình phạt:

Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2012/HSST ngày 19/9/2012 của **Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ**: xét xử các bị cáo Nguyễn Vĩnh Hưng, sinh 1990 và Phạm Văn Phú, sinh 1992.

Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2012/HSST ngày 27/9/2012 của **Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên**: xét xử các bị cáo Phạm Thị Viên và đồng phạm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2012/HSST ngày 29/3/2012 của **Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn**: xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Tiềm, sinh 1984.

Nhận xét: Ba vụ án trên có tình tiết tương tự nhau, các bị cáo có nhân thân và đều có ít nhất 3 tình tiết giảm nhẹ. Nhưng thiệt hại do các bị cáo gây ra là khác nhau như bị cáo Hưng gây thiệt hại 6.795.450đ, bị cáo Viên gây thiệt hại 19.117.000đ và bị cáo Tiềm gây thiệt hại 44.832.840đ. Tuy nhiên cả ba Tòa án cấp sơ thẩm đều xử phạt bị cáo cùng loại và mức hình phạt như nhau là 12 tháng tù cho hưởng án treo là không thống nhất về đường lối xét xử.

- Không thống nhất về loại hình phạt:

Bản án số 84/2012/HSST ngày 31/5/2012 của **Tòa án nhân dân huyện Đông Anh** xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Tâm, sinh 1966;

Bản án số 72/2012/HSST ngày 07/6/2012 của **Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa** xét xử bị cáo Nguyễn Văn Chính, sinh 1959.

Đánh giá: Tình tiết vụ án, nhân thân và có hại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương tự nhau, thậm chí bị cáo Chính còn nhiều hơn bị cáo Tâm 1 tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản bị thiệt hại do bị cáo Chính gây ra ít hơn (3.185.000đ) so với bị cáo Tâm (8.126.223đ). Tuy nhiên các Tòa án nêu trên lại áp dụng loại và mức hình phạt khác nhau đối với hai bị cáo (xử

phạt Tù 15 tháng cải tạo không giam giữ, còn xử phạt Chính 9 tháng tù cho hưởng án treo).

**** Không thống nhất trong mỗi Tòa án nhân dân quận, huyện:***

Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2012/HSST ngày 05/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử các bị cáo Ngô Văn Quảng, sinh 1990 và Bản án số 66/2012/HSST ngày 23/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử đối với bị cáo Nguyễn Việt Hóa, sinh 1976.

Đánh giá: Các vụ án này có tình tiết vụ án tương tự nhau, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng giống nhau. Trong khi đó hành vi của Hóa nguy hiểm và táo bạo hơn, thiệt hại do Hóa gây ra lớn hơn thì lại áp dụng loại hình phạt nhẹ hơn (9 tháng cải tạo không giam giữ) sơ với loại và mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Văn (9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo), thể hiện sự không thống nhất và không công bằng đối với các bị cáo.

2.4.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

2.4.2.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất là, do hệ thống pháp luật hình sự của nước ta chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, một số quy định còn chung chung, không phù hợp đã dẫn đến tình trạng một vấn đề có nhiều cách hiểu, áp dụng pháp luật không đúng, còn tùy tiện. tội phạm này trong một điều luật đã tạo ra bất hợp lý khi áp dụng.

Thứ hai là, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn xét xử. Số lượng, chất lượng của cán bộ, Thẩm phán của một số Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở làm việc còn thiếu, lạc hậu. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ Tòa án chưa thỏa đáng.

2.4.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Chất lượng (năng lực chuyên môn, kỹ năng xét xử, trình độ chính trị và phẩm chất đạo đức) đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là một trong các nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

- Công tác kiểm tra, giám đốc án, tổng kết rút kinh nghiệm xét chưa được quan tâm đúng mức. Ủy ban Thẩm phán hoạt động chưa thường xuyên, chưa phát huy hết vai trò của mình trong việc tổng kết, rút kinh nghiệm xét xử.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

Trong những năm gần đây, các tội phạm thuộc nhóm tội này có xu hướng tăng lên đáng kể, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, gây thiệt hại đáng kể về tài sản; ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, an ninh trật tự.

Thực tiễn xét xử loại tội phạm trên của ngành Tòa án nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nói riêng đã bộc lộ nhiều hạn chế thiếu sót như xác định sai tội danh, áp dụng pháp luật không đúng, đường lối xét xử chưa phù hợp và không thông nhất giữa các Tòa án quận, huyện...

Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay, đòi hỏi phải đề cao vai trò của hoạt động áp dụng pháp luật đặc biệt là hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án và hiệu quả của các Bản án, quyết định của Tòa án.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT

Thứ nhất là, thay đổi vị trí các tội cho hài hòa, phù hợp với bộ cục của phần các tội phạm đi theo hướng từ tội nặng đến tội nhẹ trong cùng một chương, từ mối quan hệ xã hội quan trọng cần được bảo vệ đặc biệt đến mối quan hệ xã hội cần hoặc được bảo vệ (theo giá trị của khách thể bị xâm hại).

Thứ hai là, tách tội tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143) thành hai tội độc là tội huỷ hoại tài sản và tội cố ý làm hư hỏng tài sản và xây dựng chế tài hình phạt của hai tội này khác nhau. Đồng thời, cần mô tả hành vi khách quan của tội này cụ thể, rõ ràng hơn.

Thứ ba là, chuyển tội tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước (Điều 144) sang Chương XVI (các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế).

Thứ tư là, quy định tăng mức định lượng tiền hoặc giá trị tài sản để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhóm tội này cho phù hợp thực tế.

Thứ năm là, quy định cụ thể, rõ ràng hơn các dấu hiệu có tính “định tính”, “định lượng” như: gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng được quy định trong một số tội phạm này.

Thứ sáu là, nghiên cứu loại bỏ bớt các tình tiết định tội như “đã bị xử phạt hành chính về hành vi này”, “đã bị kết án về tội này” trong cấu thành cơ bản của hai tội này.

Thứ bảy là, kiến nghị liên ngành Tư pháp trung ương sớm nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT ngày 25/12/2001 cho phù hợp với những vấn đề đã được sửa đổi, bổ sung của Bộ luật hình sự

Thứ tám là, kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao cần sớm tổ chức tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật đối với các tội xâm phạm sở hữu không có

tính chiếm đoạt góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÔNG CÓ TÍNH CHIẾM ĐOẠT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.3.1. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xét xử cho Thẩm phán, Hội thẩm:

Trước tiên, thường xuyên tổ chức tập huấn về các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt; tổ chức các hội thảo, hội nghị về các chuyên đề xét xử sở thẩm như phương pháp nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng xét hỏi tại phiên tòa hay kỹ năng xử lý tình huống tại phiên tòa...

Thứ hai, thường xuyên tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết thực tiễn áp dụng về loại tội phạm này; kiến nghị loại bỏ những quy phạm pháp luật không phù hợp, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về loại tội này.

Thứ ba, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cần quan tâm, trú trọng công tác giáo dục tư tưởng, thường xuyên đánh giá, phân loại cán bộ Tòa án; xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ yếu kém, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, hách dịch...

Thứ tư, tăng cần biên chế cán bộ, Thẩm phán đối với các Tòa án còn thiếu biên chế, có chế độ ưu tiên trong việc bổ nhiệm Thẩm phán tại chỗ cũng như tuyển dụng biên chế từ nguồn địa phương.

Thứ năm, cần có quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của hội thẩm khi tham gia phiên tòa; quy định cụ thể về trình độ, năng lực để lựa chọn Hội thẩm nhân dân.

Thứ sáu, lãnh đạo Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cần quan tâm cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, có chế độ đãi ngộ phù hợp với đội ngũ cán bộ Tòa án.

3.3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

KẾT LUẬN

Cùng với các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt được quy định tại chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999 với 13 điều luật.

Trong những năm qua, các tội xâm phạm sở hữu nói chung và các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt nói riêng xảy ra khá phổ biến với chiều hướng gia tăng cả về số lượng và tính chất nghiêm trọng của tội phạm nhất là tội phạm có tổ chức, trong đó độ tuổi phạm tội tập trung chủ yếu ở tầng lớp thanh, thiếu niên, hành vi phạm tội côn đồ, hung hãn, công cụ, phương tiện phạm tội nguy hiểm, có khả năng sát thương và gây ra thiệt hại lớn như chất nổ, chất cháy, mìn tự chế... gây thiệt hại đáng kể về người và vật chất, ảnh hưởng đến trật tự trị an nơi xảy ra tội phạm.

Thực tiễn xét xử đối với loại tội phạm này của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thời gian qua cho thấy, nhìn chung công tác xét xử, giải quyết án của ngành Tòa án Hà Nội đã được chú trọng, áp dụng đúng cá quy định của pháp luật, chất lượng giải quyết án được nâng lên đáng kể, tỷ lệ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán giảm, không có vụ án nào bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm. Điều này chứng tỏ sự nỗ lực rất lớn của tập thể cán bộ ngành Tòa án Hà Nội nhằm nâng cao chất lượng xét xử án, đáp ứng yêu cầu của cuộc cải cách tư pháp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn không ít trường hợp do không nhận thức đầy đủ dấu hiệu pháp lý cũng như nắm bắt được tinh thần của điều luật nên dẫn tới việc sai lầm khi áp dụng pháp luật vào từng vụ án cụ thể hoặc quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với người phạm tội, không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, gây mất lòng tin, giảm giá trị của pháp luật trong nhân dân. Nguyên nhân của những tồn tại

hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như quy định của pháp luật về loại tội phạm này chưa hoàn thiện, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật còn thiếu, chất lượng đội ngũ cán bộ Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu công việc...

Vì vậy việc nghiên cứu các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 (trên cơ sở số liệu xét xử của ngành Tòa án Hà Nội) nhằm làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật đối với loại tội phạm, từ đó phát hiện những bất cập trong các quy định của Bộ luật hình sự để kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật cho phù hợp, có giá trị và đi vào cuộc sống phát huy tác dụng của nó. Đồng thời tìm ra những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của nó trong thực tiễn xét xử và đưa ra các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế đó nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng đối với loại tội phạm này trên thực tế.

Trên đây là toàn bộ nội dung luận văn mà tôi đã thể hiện. Do phạm vi đề tài tương đối rộng, đòi hỏi lượng kiến thức lớn và chuyên sâu, trong khi đó thời gian nghiên cứu cũng như kiến thức, khả năng diễn đạt còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy tôi rất mong được sự góp ý kiến của quý thầy cô giáo cùng các anh chị học viên chuyên ngành luật hình sự để luận văn được hoàn thiện hơn, có giá trị áp dụng trên thực tiễn.